

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2019/DS-ST

Ngày: 20-5-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự -
nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hằng
2. Ông Nguyễn Văn Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14A/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự - nợ hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị H, sinh năm: 1973. Có mặt

Địa chỉ: Ấp LH 2, xã TP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Trần Văn Đ, sinh năm: 1961. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Lê Thị M sinh năm: 1962. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp TH, xã TP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Người làm chứng:

Trần Hoàng K, sinh năm: 1976. Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Mai Thị P, sinh năm: 1978. Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã LT, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn K kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị H trình bày: Từ năm 2015 vợ chồng bà M và ông Đ có tham gia nhiều dây hụi do bà H làm chủ. Đến ngày 04/5/2018 hai bên kết toán lại thì vợ chồng bà M còn nợ của bà H là 1.330.800.000 đồng, hai bên có làm biên nhận. Do khi đó bà H còn nợ của ông Trần Hoàng K 270.000.000 đồng nên bà H và bà M cùng thống nhất bà M có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông K, trừ cần sang phần tiền mà vợ chồng bà M còn nợ của bà H, còn lại là 1.060.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà M và ông Đ trả số tiền hụi còn nợ 1.060.000.000 đồng trong thời gian sớm nhất. Tại phiên tòa bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện bà chỉ yêu cầu bà M trả số tiền 1.060.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đ trả số tiền trên.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Thị M trình bày: Bà M thừa nhận tham gia nhiều dây hụi do bà H làm chủ, việc chơi hụi giữa bà M và bà H thì ông Đ hoàn toàn không biết, do chơi nhiều dây hụi nên không có khả năng đóng hụi tiếp cho bà H nên hai bên có thỏa thuận để chốt nợ lại. Năm 2018 bà M và bà H chốt nợ lại thì bà M nợ của bà H 270.000.000 đồng, phần tiền nay bà M đồng ý trả cho ông K nên bà M không còn nợ của bà H. Đối với biên nhận nợ ngày 04/5/2018 do bà H cung cấp thì bà M hoàn toàn không biết nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H.

Tại bản tự khai bị đơn Trần Văn Đ trình bày: Ông Đ là chồng của bà M, việc bà H và bà M chơi hụi như thế nào thì ông Đ hoàn toàn không biết, ông Đ cũng không có ký tên vào biên nhận nợ của bà H. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện trên theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai người làm chứng Trần Hoàng K và Mai Thị P cùng thống nhất trình bày: Ngày 04/5/2018 bà H, bà M và vợ chồng ông K cùng ngồi nhà bà H để thống nhất chốt nợ. Theo đó bà M còn nợ tiền của bà H là 1.330.800.000 đồng. Bà H còn nợ tiền hụi của vợ chồng ông K là 270.000.000 đồng, các bên thỏa thuận bà M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông K 270.000.000 đồng, trừ cần lại thì bà M còn nợ bà H 1.060.000.000 đồng. Phần tiền chốt hụi là do ông K viết, sau đó thì bà H và bà M cùng ký tên vào biên bản chốt nợ, còn ông Đ chồng bà M vắng mặt nên bà M đã tự ký tên ông Đ vào biên nhận. Nay đối với việc bà H kiện bà M trả số tiền 1.060.000.000 đồng thì vợ chồng ông K yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 73, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn Lê Thị H, buộc bà M có nghĩa vụ trả 1.060.000.000 đồng tiền nợ hui cho bà H; Ngoài ra kiểm sát viên còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Thị M đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt; Bị đơn Trần Văn Đ cùng người làm chứng Mai Thị P, Trần Hoàng K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người làm chứng trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị H rút lại một phần yêu cầu K kiện không yêu cầu ông Đ liên đới cùng bà M trả nợ cho bà H, xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu K kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu K kiện đòi tiền hui giữa bà Lê Thị H và bị đơn ông Trần Văn Đ.

[2] Về nội dung: Ngày 25/4/2018 bà H và bà M thống nhất chốt hui lại với nhau, kết toán lại thì bà M còn nợ của bà H 1.330.800.000 đồng, trừ cần 270.000.000 đồng tiền bà M thay bà H trả nợ cho ông K thì bà M còn nợ bà H 1.060.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà M trả số tiền trên trong thời gian sớm nhất; bà M không đồng ý cho rằng sau khi trừ cần bà M trả cho ông K 270.000.000 đồng thì bà M không còn nợ tiền của bà H nữa nên không đồng ý trả cho bà H, do đó hai bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3.1 Các đương sự cùng thừa nhận từ năm 2015 - 2016 bà M có tham gia chơi nhiều dây hụi với bà H, đến năm 2018 thì bà H và bà M ngồi để kết toán hụi lại với nhau, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3.2 Đối chữ ký trong biên nhận nợ chốt hụi, bà H cho rằng khi đó có mặt bà H, bà M và vợ chồng ông K ngồi ký xác nhận chốt nợ, theo đó bà M còn nợ của bà H 1.330.800.000 đồng, trừ cần 270.000.000 đồng tiền bà M thay bà H trả nợ cho ông K thì bà M còn nợ bà H 1.060.000.000 đồng có chữ ký của bà H, bà M, ông Đ. Các bên đều khẳng định khi chốt hụi ông Đ không có mặt, đối với chữ ký của ông Đ trong biên nhận nợ trên thì ông Đ khẳng định đây không phải là chữ ký của ông Đ, ông K và bà P cho rằng khi đó ông Đ không có mặt, nên bà M sau khi ký tên mình trong biên nhận nợ thì bà M đã ký tên thay cho ông Đ trong biên nhận nợ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M thừa nhận bà có ngồi ký chốt nợ cho bà H số tiền 270.000.000 đồng, chứ không phải là 1.060.000.000 đồng như bà H đã trình bày. Bà M cho rằng bà không có ký vào biên nhận nợ trên, và yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, tuy nhiên hết thời gian Tòa án thông báo để bà M làm thủ tục giám định chữ ký nhưng bà M không đến tòa án để làm thủ tục xem như bà M đã từ bỏ quyền chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, việc ông K và bà P xác nhận bà M ký xác nhận chốt nợ số tiền 1.060.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Theo khoản 1 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hụi, biêu, phường quy định:

“Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có”. Trong quá trình tố tụng bà H có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ gốc xác nhận số tiền bà M còn nợ của bà H là 1.060.000.000 đồng. Vì vậy việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hụi lại cho nguyên đơn là làm thiệt thòi tới quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền hụi còn nợ là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn Lê Thị M phải nộp 43.800.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27; Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn về họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn Lê Thị H

[2] Buộc bị đơn Lê Thị M trả cho nguyên đơn Lê Thị H số tiền hồi là 1.060.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lê Thị M phải nộp 43.800.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn Lê Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019290 phiếu lập ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[4] Báo cho nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Trần Văn Đ, Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Đào Thị Thủy